

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đại Mỗ)

I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

- Địa chỉ thường trú:

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ÔNG NGUYỄN VĂN THỨ.

TDP số 1 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

- Địa chỉ giải phóng mặt bằng:

Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

1 Tổng diện tích đất đang sử dụng:

2.118,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD

2.118,0 m2

- đất nằm trong hạn mức giao đất:

2 Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi:

1.194,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD

1.194,0 m2

- đất nằm trong hạn mức giao đất:

- Tỷ lệ thu hồi đất:

56,37%

- Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

5 khẩu

+ Diện tích đang sản xuất nông nghiệp:

904 m2

Thuộc thửa đất số 314, 935 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 423 tờ bản đồ số 23

+ Diện tích không sản xuất nông nghiệp:

290 m2

Thuộc thửa đất số 30 tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 418 tờ bản đồ số 15

3 Căn cứ Biên bản số 309/BB-UBND ngày 29/05/2025; Giấy xác nhận số 185/GXN-UBND ngày 23/12/2028 của UBND phường Đại Mỗ thay thế cho Giấy xác nhận số 41/GXN-UBND ngày 29/08/2025

II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường về đất:					346.260.000	(1)
-	Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD	m2	1.194,0	290.000	100%	346.260.000	Căn cứ Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội
2	Các khoản hỗ trợ:					1.325.740.000	(2)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo khoản 5 Điều 109 Luật đất đai 2024 và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 16 Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ (05 lần x 290.000 đồng/m2 = 1.450.000 đồng/m2)	m2	904,0	1.450.000	100%	1.310.800.000	
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo khoản 5 Điều 109 Luật đất đai 2024 và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 16 Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ (05 lần x 290.000 đồng/m2 = 1.450.000 đồng/m2)	m2	290,0	1.450.000	0%	0	Không áp dụng do không sản xuất nông nghiệp
-	Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình, cá nhân (tỷ lệ % mất đất từ 30% đến 70%). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Mức hỗ trợ: 30kg gạo x 16.600 VND x 06 tháng = 2.980.000 VND/người	khẩu	5	2.988.000	100%	14.940.000	
-	Thưởng tiền độ giải phóng mặt bằng (theo Điều 1 Khoản 5 Điều 1, Quyết định số: 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố: 10.000 đồng/m2 nhưng không quá 10.000.000 đồng/chủ sử dụng)	m2	1.194,0	10.000	100%	0	Không xem xét hỗ trợ do hộ gia đình, cá nhân không phối hợp trong công tác kê khai, điều tra hiện trạng về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định
3	Bồi thường về cây cối, hoa màu:					15.907.500	(3)
-	Cây trồng trên thửa đất số 314 tờ bản đồ số 15 diện tích 390m2						
+	Mít: 30 cm ≤ ĐK thân < 40 cm; cao ≥ 3,5 m	m2	8	1.102.500	50%	4.410.000	
+	Mít: 10 cm ≤ ĐK thân < 15 cm; cao ≥ 3,5 m	cây	19	420.000	50%	3.990.000	
+	Mít: 10 cm ≤ ĐK thân < 15 cm; cao ≥ 3,5 m	cây	8	420.000	25%	840.000	vượt hạn mức 30%
+	Chuối, loại chưa có buồng, cao > 1m	cây	10	21.000	25%	52.500	vượt hạn mức 30%
-	Cây trồng trên thửa đất số 935 tờ bản đồ số 15 diện tích 180m2						
+	Rau muống chuyên canh	m2	150	18.900	100%	2.835.000	
-	Cây trồng trên thửa đất số 423 tờ bản đồ số 24 diện tích 334m2						
+	Đào thế: 150 cm ≤ cao < 200 cm	cây	60	126.000	50%	3.780.000	
Tổng cộng: (1+2+3)						1.687.907.500	

(Bảng chữ: Một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng./.)